TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ -ST
Ngày 24/5/2024
"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền – Chuyên viên phòng lao động thương binh và xã hội huyện

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST - HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1996
- Bị đơn : Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1994
- Người có QLNV liên quan: 1. Cháu Trần Hoài L, sinh ngày 31/10/2015
2. Cháu Trần Hoài N, sinh ngày 09/3/2017

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Anh C – bố đẻ của các cháu
Đều trú tại: TK, BS, AT, Hưng Yên
Chị Ng, anh C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 và lời khai của chị Ng trình bầy: Chị và anh C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2014. Sau khi lấy nhau chị về gia đình anh C chung sống và sinh được 02 con, sau khi sinh cháu thứ 2 được 11 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C đi làm không có tiền đưa cho chị để nuôi con, trong thời gian đó con đi viện chỉ có một mình chị chăm sóc, anh C không chăm lo gì vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, được hai gia đình khuyên giải vợ chồng tiếp tục chung sống, tháng 11/2023 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, chị xin được mang 2

con đi nhưng gia đình anh C không đồng ý, chị vẫn thường xuyên về thăm con, thời gian gần đây anh C không cho tôi đón, gọi điện không cho nghe, tháng 3/2024 chị có nộp đơn xin ly hôn đến Tòa thì anh C mới cho chị đón con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Hoài L, sinh năm 2015 và Trần Hoài N, sinh năm 2017, hiện nay các cháu đang ở với anh C cùng ông bà nội.

Về tài sản, công sức, công nợ: Không có

Anh C trình bày: Anh và chị Ng quen nhau được 1 thời gian, hai bên tìm hiểu rồi tiến tới kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Bãi Sậy vào tháng 11/2014. Sau khi kết hôn chị Ng về gia đình anh sinh sống cùng với bố mẹ anh. Quá trình sinh sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con. Đến năm 2018 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống cũng như công việc làm ăn hàng ngày. Đã được gia đình khuyên giải vợ chồng cùng làm ăn và nuôi con nhưng chị Ng không nghe, sau đó chị Ng về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2023, chị Ng làm đơn ly hôn anh đã thuyết phục chị Ng về nhiều lần để cùng nuôi con nhưng chị Ng không nghe. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Ng xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Hoài L, sinh năm 2015 và Trần Hoài N, sinh năm 2017. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không có yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

Bà Đỗ Thị Đương (mẹ đẻ của chị Ng) trình bày: Anh C, chị Ng tự tìm hiểu nhau, về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi sậy. Cưới xong, chị Ng về gia đình chồng ăn ở cùng, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà thấy chị Ng về nhà nói chuyện là thường xuyên cãi nhau, mỗi người một cách sống cách nghĩ khác nhau, hơn nữa anh C làm ở quán Karaoke thường xuyên vắng nhà, không chăm lo đến vợ, con, vợ chồng bà đã khuyên bảo nhưng anh C không gnhe, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2023. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau con của anh chị ốm, chị Ng vẫn mua thuốc và đưa cháu L đi viện mổ mắt chứ anh C không đưa cháu đi. Nay anh chị ra Tòa ly hôn việc anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị

Con chung: 02 con chung là cháu Trần Hoài L, sinh năm 2015 và Trần Hoài N, sinh năm 2017

Về tài sản, công sức, công nợ: Không nắm được

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bãi Sậy: Chị Ng, anh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 27/11/2014, quá trình sinh sống chị Ng, anh C có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng anh C, chị Ng có 02 con chung là cháu Trần Hoài L, sinh ngày 31/10/2015 và Trần Hoài N, sinh ngày 09/3/2017.

Tài sản chung: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 24/5/2024: Chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải quyết cho vợ chồng được ly hôn và chị xin nhận nuôi cháu N, còn để anh C nuôi cháu L. Anh C nhất trí ly hôn, anh xin nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Ng cáp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh C, chị Ng không yêu cầu giải quyết.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ viên quan người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng. Xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Trần Mạnh C

- Về con chung: Giao cháu Trần Hoài L, sinh ngày 31/10/2015 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Trần Hoài N, sinh ngày 09/3/2017 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Ng, anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị Ng, anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị Ng phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị Ng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/11/2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh C, chị Ng là hợp pháp. Nay chị Ng có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh C có đăng ký HKTT và hiện đang sinh sống tại TK, BS, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Ng, anh C đều xác định vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra chị Ng còn xác định anh C đi làm không đưa tiền cho chị nuôi con và không quan tâm chăm lo cho vợ con, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh C, chị Ng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì hôn nhân không có hạnh phúc. Quá trình Tòa án hòa giải anh C, chị Ng đều đề nghị Tòa giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa anh C, chị Ng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C, chị Ng không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh C của chị Ng là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh C, chị Ng có 02 con chung là Trần Hoài L, sinh ngày 31/10/2015 và Trần Hoài N, sinh ngày 09/3/2017. Nay ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, còn chị Ng có nguyện vọng được nuôi 01 con chung, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng và thể hiện trách nhiệm của bậc làm cha, làm mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, lấy lời khai của cháu L, cháu N đều có nguyện vọng ở với anh C, vì vậy anh C không đồng ý để chị Ng nuôi con vì anh không muốn tách các cháu. HĐXX nhận thấy lý do anh C đưa ra không phải là căn cứ để không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ng và việc các cháu có nguyện vọng ở với anh C chỉ là một trong yếu tố để xem xét, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét điều kiện thực tế để đảm bảo điều kiện nuôi con của chị Ng, anh C nhận thấy: Chị Ng hiện đang làm công nhân của Công ty may Việt Trí, thu nhập hàng tháng của chị Ng hơn 9.000.000 đồng (Theo đơn xác nhận lương tháng 01, 02, 03/2024 của công ty). Còn anh C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh C trình bày anh làm nghề tự

do, anh cùng bạn mở quán bi ai và quán ăn, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng, trong đó 01 quán mới mở kinh doanh nên chưa có thu thập, anh C không giao nộp được tài liệu, chứng cứ nào để xác định thu nhập của bản thân. Hiện nay, chị Ng, anh C đều chung sống với bố mẹ. Trong thời gian vợ chồng còn chung sống, chị Ng là người trực tiếp chăm sóc các cháu, còn anh C không dành nhiều thời gian cho các cháu. Hơn nữa, nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình có quy định nguyên tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em, vì vậy, yêu cầu của chị Ng có nguyện vọng được nuôi cháu N, còn để anh C nuôi cháu L là đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con nên HĐXX giao cháu L cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, còn giao cháu N cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C, chị Ng có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Quan điểm của anh C, chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp thực tế nên được chấp nhận

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh C, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Trần Mạnh C

2- Về con chung: Giao cho anh Trần Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Hoài L, sinh ngày 31/10/2015 đến khi cháu đủ 18 tuổi

Giao cho chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Hoài N, sinh ngày 09/3/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi

Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ng và anh Trần Mạnh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ng, anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000776 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Ng đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Ng, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực